TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117 /2022/HS-ST
Ngày: 28/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Minh Thọ

Bà Bùi Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/TLST-HS ngày 03/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Văn T (Bùi Văn N), sinh ngày: 20/5/1994, tại T; ĐKTT: thôn M, xã T, huyện T, tỉnh T; tạm trú: thôn Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C, sinh năm: 1962 và bà Quách Thị V, sinh năm: 1961, trú tại: thôn M, xã T, huyện T, tỉnh T; vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2012, trú tại: thôn M, xã T, huyện T, tỉnh T; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt ngày 18/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Lê Anh V là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Ông Phạm Công V là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- *Bị hại*: Ông Trương Văn D, sinh năm: 1978

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh T. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Như L, sinh năm: 1978

Địa chỉ: số X đường N, phường h, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T, ông Quách Văn Th và ông Trương Văn D có quen biết với nhau. Ngày 03/2/2018, ông D để chiếc xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 của mình trong phòng trọ rồi nhờ ông Th coi giúp phòng trọ tại số Z đường V, phường h, thành phố Đ để về quê ăn tết. Ngày 13/2/2018, T đến xin ông Th cho ở nhờ vài hôm thì ông Th đồng ý cho T ở nhờ tại phòng trọ của ông D. Đến ngày 14/2/2018, ông Th đi thành phố Bảo Lộc để làm công trình nên chỉ còn T ở lại phòng trọ, do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 để trong phòng trọ bán lấy tiền. Thực hiện ý định, ngày 22/2/2018 T lấy chìa khóa phòng của ông Th rồi tra vào ổ khóa điện của xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 thì xe nổ máy, T lấy xe điều khiển đến quán cà phê của ông Nguyễn Như L tại số 3 số X đường N, phường h, thành phố Đ cầm cố cho ông L với số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) rồi bỏ trốn. Ngày 04/3/2018, ông Thvề lại phòng trọ thì không thấy T và phát hiện chiếc xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 của ông D bị mất. Sau đó, ông D nhờ một số người đi tìm thì ngày 06/3/2018 ông Bùi Tiến Đ (bạn ông D) phát hiện chiếc xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 của ông D đang để trước quán cà phê N số S đường T, phường g, thành phố Đ do đó đã trình báo cơ quan Công an.

Do T bỏ trốn nên ngày 01/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã ra quyết định truy nã đối với T. Đến ngày 18/3/2022, T bị bắt truy nã.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 nhãn hiệu ESPERO màu đỏ đen, số máy 52FMHB 149855, số khung: H8PEBA149855.

Tại kết luận định giá tài sản của Hội Đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt xác định xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 nhãn hiệu ESPERO màu đỏ đen, số máy 52FMHB 149855, số khung: H8PEBA149855 trị giá 5.500.000đ.

Bị hại ông Trương Văn D xác nhận bị chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 nhãn hiệu ESPERO màu đỏ đen. Ông D đã nhận lại xe vì vậy không

có yêu cầu gì đối với bị cáo, ông D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Lê Như L xác nhận ông là người nhận cầm cố xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 nhãn hiệu ESPERO màu đỏ đen từ T, song ông không biết tài sản này do phạm tội mà có. T đã bồi thường cho ông số tiền 1.500.000đ nên ông không có yêu cầu gì đối với T.

Tại bản cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Bùi Văn Tvề tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận ngày 22/2/2018 bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại để thực hiện trộm cắp tài sản là xe mô tô biển số BS 36E1-052.85, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.500.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Bùi Văn Tvề tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T: Từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản tạm giữ tang vật, vật chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo là thanh niên có sức khỏe, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động, đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu nên ngày 22/2/2018 bị cáo đã lén lút trộm cắp xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 của ông Trương Văn D rồi đem cầm cố cho ông Lê Như L, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 5.500.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã

phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bồi thường khắc phục hậu quả và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy cần có mức án nghiêm minh, tương xứng, phù hợp với hành vi bị cáo gây ra, nhất thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Đối với hành vi của ông L nhận cầm cố tài sản do bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố ông L không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông L là có căn cứ.

[5] Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 hiệu ESPERO màu đỏ đen, số máy 52FMHB 149855, số khung: H8PEBA149855. Đây là tài sản của ông D nên cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã hoàn trả cho ông D.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô biển số BS 36E1-052.85 hiệu ESPERO màu đỏ đen đã được thu giữ hoàn trả cho bị hại là ông Trương Văn D, ông D không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không xem xét. Đối với số tiền 1.500.000đ ông Lê Như L nhận cầm cố xe , bị cáo đã trả lại số tiền này cho ông L, ông L không có yêu cầu gì thêm.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2022.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội

quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tp. Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Thủy